TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-01-2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Quyến
Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Chi – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 573/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị B, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp 6, thị trấn C, huyện H, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

Bị đơn: Anh K, sinh năm 1978; Trú tại: ấp 6, thị trấn C, huyện H, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị B trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn tự tìm hiểu một thời gian sau đó đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán của địa phương năm 2017 nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa thuận và thường xuyên cự cải. Hai vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến ly thân từ

năm 2020 cho đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn; Về con chung, có một con chung tên T (giới tính nam), sinh ngày 04/5/2018 hiện tại cháu đang sinh sống với nguyên đơn, sau khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh K được triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa nguyên đơn với bị đơn; Về con chung giao cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng cháu T(giới tính nam), sinh ngày 04/5/2018, bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa các đương sự, là do tính tình không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cải vả, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, dẫn đến ly thân. Trong thời gian sống ly thân, các đương sự không gặp gỡ để tìm biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân, không còn quan tâm lẫn nhau, chứng minh quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Tuy nhiên, xét hôn nhân giữa các đương sự tuy được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về con chung: Chị B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T(giới tính nam), sinh ngày 04/5/2018. Xét trong thời gian nguyên đơn và bị đơn sống ly thân cho đến nay thì nguyên đơn là người trực tiếp nuôi cháu Trọng. Dó đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bị đơn. Về cấp dưỡng, nguyên đơn chưa yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 14, 15, 16, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận nguyên đơn Chị B với bị đơn Anh K là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị B được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T(giới tính nam), sinh ngày 04/5/2018 đến khi trưởng thành, Anh K chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung, do nguyên đơn chưa yêu cầu.

Dành quyền trông nom, chăm sóc con chung cho Anh K, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn khai không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn Chị B phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008453 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

5. Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hiếu